

**Phụ lục I**

(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh)

**BẢNG GIÁ TÍNH THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI KHOÁNG SẢN KIM LOẠI**

Đơn vị tính giá: 1.000 đồng

Mã nhóm, loại TN	Loại tài nguyên	ĐVT	Giá tính thuế tài nguyên	Ghi chú
1	2	3	4	5
<b>I</b>	<b>Khoáng sản kim loại</b>			
<b>I101</b>	<b>Sắt kim loại</b>	<b>tấn</b>	<b>9.000</b>	
<b>I102</b>	<b>Quặng Manhetit (có từ tính)</b>	tấn		
I10201	Hàm lượng Fe < 30%	tấn	300	
I10202	Hàm lượng 30% < Fe < 40%	tấn	400	
I10203	Hàm lượng 40% < Fe < 50%	tấn	575	
I10204	Hàm lượng 50% < Fe < 60%	tấn	850	
I10205	Hàm lượng Fe > 60%	tấn	1.250	
<b>I103</b>	<b>Quặng Limonit (không từ tính)</b>	<b>tấn</b>		
I10301	Hàm lượng Fe < 30%	tấn	180	
I10302	Hàm lượng 30% < Fe < 40%	tấn	245	
I10303	Hàm lượng 40% < Fe < 50%	tấn	310	
I10304	Hàm lượng 50% < Fe < 60%	tấn	380	
I10305	Hàm lượng Fe > 60%	tấn	510	
<b>I104</b>	<b>Quặng sắt Deluvi</b>	<b>tấn</b>	<b>165</b>	
<b>I4</b>	<b>Vàng</b>			
<b>I401</b>	<b>Quặng vàng gốc</b>			
I40101	Quặng vàng có hàm lượng Au < 2 gram/Tấn	tấn	1.300	
I40102	Quặng vàng có hàm lượng 2 ≤ Au < 3 gram/tấn	tấn	1.900	
I40103	Quặng vàng có hàm lượng 3 ≤ Au < 4 gram/tấn	tấn	2.500	
I40104	Quặng vàng có hàm lượng 4 ≤ Au < 5 gram/tấn	tấn	3.200	
I40105	Quặng vàng có hàm lượng 5 ≤ Au < 6 gram/tấn	tấn	3.800	
I40106	Quặng vàng có hàm lượng 6 ≤ Au < 7 gram/tấn	tấn	4.500	
I40107	Quặng vàng có hàm lượng 7 ≤ Au < 8 gram/tấn	tấn	5.100	

I40108	Quặng vàng có hàm lượng Au $\geq$ 8 gram/tấn	tấn	6.200	
<b>I402</b>	<b>Vàng kim loại (vàng cốt); vàng sa khoáng</b>	<b>kg</b>	1.000.000	
<b>I403</b>	<b>Tinh quặng vàng</b>			
I40301	Hàm lượng 82 <Au $\leq$ 240gram/tấn	tấn	220.000	
I40302	Hàm lượng Au >240gram/tấn	tấn	250.000	
<b>I602</b>	<b>Bạc kim loại</b>	<b>kg</b>	19.200	
<b>I10</b>	<b>Đồng</b>			
<b>I1001</b>	<b>Quặng đồng</b>			
I100101	Hàm lượng Cu <0,5%	tấn	587	
I100102	Hàm lượng 0,5% $\leq$ Cu <1%	tấn	1.165	
I100103	Hàm lượng 1% $\leq$ Cu <2%	tấn	1.947	
I100104	Hàm lượng 2% $\leq$ Cu <3%	tấn	2.750	
I100105	Hàm lượng 3% $\leq$ Cu <4%	tấn	3.620	
I100106	Hàm lượng 4% $\leq$ Cu <5%	tấn	4.835	
I100107	Hàm lượng Cu $\geq$ 5%	tấn	6.050	
<b>I1002</b>	<b>Tinh quặng đồng có hàm lượng 18% &lt; Cu &lt; 20%</b>	<b>tấn</b>	18.150	